TOÀ ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 1 - HUẾ**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 25/2026/QĐST-KDTM	*Thành phố Huế, ngày 23 tháng 6 năm 2026*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 3, Điều 6, Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ vào biên bản hoà giải thành ngày 18 tháng 3 năm 2026 về việc các đương sự thoả thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án kinh doanh thương mại thụ lý số: 24/2025/TLST-KDTM ngày 05 tháng 11 năm 2025.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự:

* Nguyên đơn: Ngân hàng Thương mại cổ phần A1 (A2); địa chỉ trụ sở: Tầng A, 2, 3 Tòa nhà G, C H, phường Ô, thành phố Hà Nội; địa chỉ liên hệ: Số B Hà Nội, phường T, thành phố H;

- Người đại diện theo pháp luật: Ông Lê Mạnh H, chức vụ: Tổng giám đốc;

- Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Hoài N, chức vụ: Phó giám đốc khối kiêm giám đốc cao cấp xử lý nợ - Trung tâm xử lý nợ phía Nam thuộc khối xử lý nợ A2 (Theo văn bản ủy quyền số 0522/UQ-TGĐ.26 ngày 28/4/2026);

- Người được ủy quyền lại: Ông Hoàng A, chức vụ: Chuyên gia xử lý nợ; địa chỉ liên lạc: Số B đường H, phường T, thành phố H (theo giấy ủy quyền số 767/UQ-TGĐ.26 ngày 27/5/2026);

* Bị đơn: Công ty TNHH Một thành viên M; địa chỉ: TDP D, phường M, thành phố H; người đại diện theo pháp luật: Bà Nguyễn Thị P – Chức vụ: Giám đốc;

* Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan: Ông Triệu Quốc H1, sinh năm 1978 và bà Nguyễn Thị P, sinh năm 1982; cùng địa chỉ liên hệ: Số F kiệt A đường N, phường P, thành phố H.

2. Sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Về số tiền nợ: Căn cứ hợp đồng cho vay hạn mức số 546/20/TD/XV ngày 23/9/2020, Công ty TNHH Một thành viên M công nhận còn nợ của Ngân hàng Thương mại cổ phần A1 (A2) số tiền gốc và lãi tính đến ngày 15/6/2026 tổng cộng là 2.118.029.502 đồng. Trong đó nợ gốc là 1.383.192.829 đồng, nợ lãi trong hạn là 489.891.116 đồng, nợ lãi quá hạn là 244.945.558 đồng.

2.2. Về phương thức thanh toán:

Đến ngày 01/8/2026, Công ty TNHH Một thành viên M phải có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng Thương mại cổ phần A1 (A2) số tiền nợ tính đến ngày 15/6/2026 tổng cộng

là 2.118.029.502 đồng. Trong đó nợ gốc là 1.383.192.829 đồng, nợ lãi trong hạn là 489.891.116 đồng, lãi quá hạn là 244.945.558 đồng.

Công ty TNHH Một thành viên M phải tiếp tục trả các khoản tiền lãi phát sinh kể từ ngày 16/6/2026 cho đến khi thanh toán xong toàn bộ khoản nợ theo mức lãi suất quy định tại các hợp đồng tín dụng và giấy nhận nợ mà các bên đã ký kết.

2.3. Về xử lý tài sản thế chấp:

Trường hợp Công ty TNHH Một thành viên M không thực hiện hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ trả nợ, Ngân hàng Thương mại cổ phần A1 (A2) có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền kê biên, xử lý toàn bộ tài sản bảo đảm để thu hồi nợ là quyền sử dụng đất thuộc thửa đất số 253, tờ bản đồ số 22, diện tích đất 55m^2 và tài sản khác gắn liền với đất là nhà ở 02 tầng, diện tích xây dựng 51m^2, diện tích sàn 102m^2, kết cấu tường gạch, trụ bê tông, mái tôn; tọa lạc tại địa chỉ: Số F kiệt A đường N, phường P, thành phố H, theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BE 333743 do Ủy ban nhân dân thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế cấp ngày 21/6/2012, cập nhật thay đổi ngày 29/12/2012 đứng tên ông Triệu Quốc H1 và bà Nguyễn Thị P, theo hợp đồng thế chấp tài sản số 4733/19/TC-TT/XV ngày 04/9/2019; hợp đồng sửa đổi, bổ sung hợp đồng thế chấp tài sản số 546/20/PLTC/XV ngày 23/9/2020 và hợp đồng sửa đổi, bổ sung hợp đồng thế chấp tài sản số SĐBS.2/4733/19/TC-TT/XV ngày 23/11/2022, đều được lập và công chứng tại Phòng C tỉnh Thừa Thiên Huế (nay là thành phố H).

Trường hợp sau khi phát mại, xử lý tài sản bảo đảm vẫn không đủ thanh toán số tiền nợ thì Công ty TNHH Một thành viên M phải có nghĩa vụ tiếp tục trả cho Ngân hàng Thương mại cổ phần A1 (A2) số tiền nợ còn thiếu cho đến khi trả xong toàn bộ khoản nợ.

2.4. Về chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ: Ngân hàng Thương mại cổ phần A1 (A2) có đơn đề nghị xem xét, thẩm định tại chỗ, tự nguyện chịu toàn bộ chi phí và đã nộp đủ.

2.5. Về án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm: Do các đương sự thoả thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án trong phiên hoà giải nên phải chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm theo quy định là: [72.000.000 đồng + ((2.118.029.502 đồng – 2.000.000.000 đồng) x 2%)] x 50% = 37.180.295 đồng (làm tròn số là 37.180.000 đồng).

Công ty TNHH Một thành viên M phải chịu toàn bộ án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm là 37.180.000 đồng *(Ba mươi bảy triệu một trăm tám mươi nghìn đồng).*

Ngân hàng Thương mại cổ phần A1 (A2) không phải chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm, nên được hoàn trả lại số tiền tạm ứng án phí là 35.410.000 đồng *(Ba mươi lăm triệu bốn trăm mười nghìn đồng)* mà Ngân hàng Thương mại cổ phần A1 (A2) đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0000836 ngày 04/11/2025 của Thi hành án dân sự thành phố H..

3. Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự và Điều 7a, 7b

Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thi hành án dân sự năm 2014; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

4. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- TAND thành phố Huế;
- VKSND khu vực 1 – Huế;
- THADS thành phố Huế;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu DS.

THẨM PHÁN

Mai Thị Mộng Trinh